

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lập Thừa Thiên Huế ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2016, và được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt ngày 25 tháng 8 năm 2016. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà ý kiến của họ phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2016 là chấp nhận toàn phần.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được soát xét bởi một đơn vị kiểm toán khác mà kết luận của họ phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2015 là không lưu ý vấn đề nào.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Richard Peters
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0561-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5568
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2016 VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		430.988.644.350	415.374.528.647
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	163.069.069.152	179.466.495.169
111	Tiền		109.949.323.456	90.398.110.505
112	Các khoản tương đương tiền		53.119.745.696	89.068.384.664
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		44.000.000.000	41.150.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	44.000.000.000	41.150.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		90.697.798.766	94.522.789.284
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	83.952.735.704	90.746.824.761
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	4.586.756.274	752.007.250
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.349.479.993	774.368.993
136	Phải thu ngắn hạn khác	9	17.214.467.873	19.467.068.476
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.557.340.407)	(17.369.179.525)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		151.699.329	151.699.329
140	Hàng tồn kho	10	121.526.738.825	88.743.934.775
141	Hàng tồn kho		121.831.661.755	89.048.857.705
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(304.922.930)	(304.922.930)
150	Tài sản ngắn hạn khác		11.695.037.607	11.491.309.419
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	2.184.274.652	1.222.915.251
152	Thuế GTGT được khấu trừ		411.912.257	1.032.872.412
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	9.098.850.698	9.235.521.756
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		242.316.418.389	234.664.983.473
210	Các khoản phải thu dài hạn		2.563.690.364	294.501.800
216	Phải thu dài hạn khác		2.563.690.364	294.501.800
220	Tài sản cố định		103.127.823.075	108.641.433.450
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	100.234.409.560	105.683.423.232
222	Nguyên giá		230.938.598.283	231.100.456.157
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(130.704.188.723)	(125.417.032.925)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	2.893.413.515	2.958.010.218
228	Nguyên giá		3.761.808.693	3.761.808.693
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(868.395.178)	(803.798.475)
230	Bất động sản đầu tư	14	43.971.076.458	45.500.373.024
231	Nguyên giá		60.345.211.948	60.345.211.948
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.374.135.490)	(14.844.838.924)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.664.118.818	3.737.032.152
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	3.664.118.818	3.737.032.152
250	Đầu tư tài chính dài hạn		66.170.899.700	61.837.916.971
252	Đầu tư vào công ty liên kết	16(a)	64.707.297.533	60.715.343.281
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16(b)	1.463.602.167	1.122.573.690
260	Tài sản dài hạn khác		22.818.809.974	14.653.726.076
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	20.816.932.894	13.508.857.967
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24	2.001.877.080	1.144.868.109
270	TỔNG TÀI SẢN		673.305.062.739	650.039.512.120

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Mẫu số B 01a – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2016 VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		396.747.929.099	382.706.426.692
310	Nợ ngắn hạn		240.082.673.655	230.263.905.348
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	59.105.302.453	62.958.606.278
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	36.131.289.072	19.624.680.562
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	19	5.818.857.997	13.233.440.053
314	Phải trả người lao động		8.956.576.605	22.940.064.607
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		380.902.601	591.346.833
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20(a)	11.874.171.368	2.902.100.457
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a)	70.037.162.948	56.660.165.435
320	Vay ngắn hạn	22(a)	31.319.917.744	37.718.108.156
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	23(a)	11.013.429.244	9.925.836.144
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.445.063.623	3.709.556.823
330	Nợ dài hạn		156.665.255.444	152.442.521.344
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20(b)	47.231.210.149	48.320.582.208
337	Phải trả dài hạn khác	21(b)	82.524.498.315	82.348.171.548
338	Vay dài hạn	22(b)	7.256.175.640	6.157.759.640
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24	3.490.211.430	3.775.245.255
342	Dự phòng phải trả dài hạn	23(b)	16.163.159.910	11.840.762.693
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		276.557.133.640	267.333.085.428
410	Vốn chủ sở hữu		276.557.133.640	267.333.085.428
411	Vốn góp của chủ sở hữu	25, 26	138.600.000.000	138.600.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		138.600.000.000	138.600.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	26	8.076.100.000	8.076.100.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	26	14.460.211.570	6.997.176.421
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26	91.744.044.969	90.488.427.348
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước		66.713.051.941	39.721.732.057
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		25.030.993.028	50.766.695.291
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	23.676.777.101	23.171.381.659
440	TỔNG NGUỒN VỐN		673.305.062.739	650.039.512.120

Lê Thị Khánh Vân
Người lập

Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Mẫu số B 02a – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016 VNĐ	2015 VNĐ
01	Doanh thu	160.451.175.579	193.610.141.054
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(443.576.364)	(231.506.036)
10	Doanh thu thuần	160.007.599.215	193.378.635.018
11	Giá vốn	(125.230.460.330)	(156.660.400.433)
20	Lợi nhuận gộp	34.777.138.885	36.718.234.585
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.699.191.381	1.942.805.750
22	Chi phí tài chính	(1.283.595.011)	(1.391.155.925)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(1.283.595.011)	(1.380.656.963)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	8.899.229.463	1.998.014.056
25	Chi phí bán hàng	(3.771.915.882)	(2.691.047.878)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(13.367.672.683)	(11.111.417.314)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.952.376.153	25.465.433.274
31	Thu nhập khác	2.405.523.311	1.762.903.080
32	Chi phí khác	(1.033.407.842)	(766.981.030)
40	Lợi nhuận khác	1.372.115.469	995.922.050
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.324.491.622	26.461.355.324
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.627.269.280)	(3.526.598.329)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.142.042.796	(94.858.732)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.839.265.138	22.839.898.263
Phân bổ cho:			
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	25.030.993.028	20.600.163.452
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.808.272.110	2.239.734.811
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29(a) 1.741	1.538
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29(b) 1.583	1.538

Lê Thị Khánh Vân
Người lập

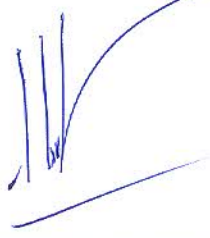
Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016 VNĐ	2015 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	206.840.209.189	279.214.801.693
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(130.535.503.662)	(141.544.427.902)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(50.349.919.534)	(40.725.008.943)
04	Tiền lãi vay đã trả	(1.280.191.375)	(1.355.456.963)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19 (5.141.583.368)	(5.292.635.460)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	34.767.052.403	44.652.795.070
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(72.361.889.328)	(74.270.211.877)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(18.061.825.675)	60.679.855.618
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm tài sản cố định	(1.106.713.637)	(347.784.796)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.010.500.000	6.520.000
23	Chi cho vay	(1.500.000.000)	-
24	Thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.150.000.000	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(3.899.961.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	211.640.000	-
27	Thu lãi cho vay và cổ tức được chia	5.511.219.500	4.504.014.086
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	7.276.645.863	262.788.290
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	-	1.200.000.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	22 51.604.474.305	15.002.601.810
34	Chi trả nợ gốc vay	22 (56.904.248.717)	(47.819.236.084)
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(316.344.000)	(11.895.315.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(5.616.118.412)	(43.511.949.274)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(16.401.298.224)	17.430.694.634
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 179.466.495.169	143.997.765.035
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3.872.207	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 163.069.069.152	161.428.459.669


Lê Thị Khánh Vân
Người lập


Lê Văn Tài
Kế toán trưởng


Lê Quý Định
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 8 năm 2016



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.